

## LÝ THUYẾT XÃ HỘI HỌC VÀ XÃ HỘI TRI THỨC\* (Sociological Theory and Knowledge Society)

*P.K.B. NAYAR\*\**

*Lê Minh Tiến dịch\*\*\**

*T*bàn cầu hóa và sản phẩm của nó là xã hội tri thức đang đưa đến một sự biến đổi to lớn trong toàn bộ hệ thống xã hội và đến lượt nó, sự thay đổi ấy cũng đang gây ra những sự đứt đoạn trong trật tự xã hội tại nhiều khu vực trên thế giới. Tại một số quốc gia, nền kinh tế truyền thống vẫn đang tiếp tục mang lại sự công bằng, nhưng tại một số quốc gia khác, hệ thống chính trị đang bị lung lay và tại mọi nước, hệ thống trật tự xã hội được xây dựng trên sự tuân thủ đang bị đặt trong tình trạng chệch hướng.

Bài viết này bàn đến viễn cảnh của lý thuyết xã hội học trong thời đại bùng nổ của Công nghệ thông tin (IT) và cuộc Cách mạng tri thức (KR) vốn đang là yếu tố thúc đẩy cho sự tái điều chỉnh nhiều giá trị truyền thống và các chuẩn mực trong hành vi của cá nhân cũng như của tổ chức xã hội. Bài viết cũng cố gắng xây dựng tính hợp thức cho xã hội học và các lý thuyết nền của nó trong ma trận của Xã hội tri thức được xây dựng trên nền của công nghệ thông tin.

Công nghệ thông tin đã mang lại nguồn chất liệu dồi dào cho những ai muốn đặt lại vấn đề về tính bất khả xâm phạm cũng như tính hữu dụng của nhiều mệnh lệnh trong khoa học xã hội và khoa học hành vi khi các khoa học này cho rằng, sự tồn tại của con người bị điều kiện hóa và bị điều tiết bởi một vài tham số đã được xã hội thiết lập. Cho đến nay, công nghệ thông tin và cuộc cách mạng tri thức đã tạo ra và đại chúng hóa nhiều giá trị và chuẩn mực mới cho ứng xử của con người. Điều đó có nghĩa là các lý thuyết xã hội học truyền thống về hành vi con người và các tiến trình xã hội được xây dựng trên những lý thuyết ấy sẽ không còn vận hành một cách êm ả và không thể tranh cãi như trước đây nữa. Ngược lại, tính xác đáng của chúng đang ngày càng bị nghi ngờ và tính ứng dụng của chúng như là các công cụ phân tích và giải thích cho các động lực xã hội đang ngày càng mất đi giá trị.

Có thể nói rằng hiện nay các lý thuyết xã hội học đang ở trong tình trạng trì trệ. Những lý thuyết lớn vẫn còn đó nhưng vàng hào quang của chúng đã bị giảm sút. Những lý thuyết này vẫn được đề cao vì các giá trị nội tại nhưng lại được sử dụng một cách rất sơ sài bởi các nhà nghiên cứu thực nghiệm. Các lý thuyết hạng trung cũng vẫn còn đứng vững trước nhiều sự tấn công nhưng vẫn cùng chung số phận với các lý thuyết lớn. Nhưng với các lý thuyết vi mô

thì không thể nói như thế bởi chúng nhiều vô số kể. Bởi vì đối tượng nghiên cứu của xã hội học đã gia tăng trong rất nhiều lĩnh vực nhỏ và rất nhỏ nên các lý thuyết ở cấp độ vi mô không có được tầm quan trọng như hai loại lý thuyết trên và cũng ít được các nhà nghiên cứu thẩm định hoặc cố gắng vượt qua chúng. Nếu một người nào đó cố gắng xây dựng lý thuyết thì tính ứng dụng của lý thuyết ấy cũng bị hạn chế bởi nhiều lý do khác nhau. Hơn nữa trong hiện tình xã hội vốn luôn thay đổi rất nhanh như hiện nay, một lý thuyết mới sẽ không có tuổi thọ lâu dài và có thể trở nên dư thừa ngay khi nó vừa được sử dụng xong trong kiểm tra một hiện tượng nào đó. Mặt khác, có nhiều nhà xã hội học tin rằng ngành khoa học này vẫn có thể tồn tại mà không cần đến những lý thuyết mới. Gosta Esping-Adersen (BJS 2000) cho rằng nền xã hội học đương đại không cần phải lo lắng về tình trạng “thiếu lý thuyết” bởi đã có nhiều lý thuyết để có thể tiến hành các nghiên cứu.

Có nhiều trở ngại khác nhau cho việc xây dựng lý thuyết mà ta có thể phân thành ba nhóm. Thứ nhất là những trở ngại ngay trong lòng khoa học xã hội; thứ hai là những trở ngại do công nghệ thông tin và những hệ lụy của nó gây ra; và thứ ba là những trở ngại được tạo bởi cuộc cách mạng tri thức. Hiện nay lẫn ranh giữa hai yếu tố sau là khá mơ hồ và có nhiều sự chồng lấn giữa chúng với nhau.

Tôi chỉ nói gọn về những trở ngại từ nội tại của các khoa học xã hội thôi bởi mục tiêu của tôi tập trung vào những vấn đề này sinh từ hai yếu tố sau. Vì bản chất toàn diện của khoa học xã hội cũng như ranh giới có tính linh hoạt của chúng, các học giả thường có khuynh hướng gộp mọi thứ dưới ánh sáng của nhãn quan xã hội học. Hậu quả là việc xây dựng một lý thuyết thống nhất có thể bao trọn mọi yếu tố dị biệt trở nên khó có thể xảy ra. Điều này đúng với các siêu lý thuyết và càng đúng hơn với các lý thuyết vi mô. Quá trình thương mại hóa và doanh nghiệp hóa nghiên cứu xã hội học đã đặt lại tính thích hợp của lý thuyết trong nghiên cứu. Các cơ quan tài trợ không còn quan tâm đến lý thuyết nhiều nữa mà họ mong muốn những phát hiện mang tính chất thực nghiệm nhiều hơn. Điều đó đưa đến việc các cơ quan tài trợ, nhà nước và các thiết chế nghiên cứu đến chỗ tự thiết lập chương trình nghiên cứu của riêng mình và chi tài trợ cho những chủ đề mà mình quan tâm. Như vậy có nghĩa là các nhà nghiên cứu lý thuyết muốn dấn thân vào các nghiên cứu theo sở thích riêng và muốn xây dựng các lý thuyết mới sẽ tìm thấy rất ít sự hỗ trợ từ các thiết chế tài trợ, và nếu như vẫn tiến hành nghiên cứu theo sở thích riêng thì những khám phá lý thuyết cũng có thể nhận được rất ít sự quan tâm.

Sự phân mảnh của tri thức xã hội học vào trong các lĩnh vực nghề nghiệp khác như công tác xã hội, quản trị kinh doanh, kỹ thuật và y học vốn chỉ cần và chỉ sử dụng một vài phần của xã hội học cũng làm cho lý thuyết trở thành thứ có thể được bỏ qua trong quá trình tìm tòi của các nhà nghiên cứu trong các lĩnh vực ấy. Trong nhiều trường hợp, việc xây dựng lý thuyết là điều gì đó thật xa xỉ và việc ứng dụng lý thuyết vào trong nghiên cứu có thể không nhận được sự ủng hộ từ nhiều nhà nghiên cứu và những người hoạt động thực tiễn. Nếu như việc xây dựng lý thuyết mới trong xã hội học bị tác động bởi các yếu tố nội tại, cũng có ít nhất hai yếu tố ngoại tại đang tác động đến tính hiệu lực của các lý thuyết cổ điển. Hai yếu tố ấy chính là công nghệ sinh học và công nghệ thông tin. Công nghệ di truyền có thể tạo ra những con người như mong muốn. Kỹ thuật nhân bản vô tính và cấy ghép các bộ phận cơ thể có thể tạo ra những loại người không hành xử theo các cách thức mà xã hội mong đợi. Công nghệ nano đang phát

triển nhanh chóng và khả năng cấy hoặc biến đổi mô tế bào nhằm khôi phục hoặc làm gia tăng trí thông minh sẽ sớm thành hiện thực. Cũng vậy, khả năng kiểm soát bộ não con người của máy vi tính cũng không còn xa nữa.

Như vậy, hành vi con người có thể được uốn nắn một cách nhân tạo theo nhiều kiểu khác nhau tùy theo mong muốn của người sử dụng. Trước sức mạnh khó tin của các công nghệ mới, vấn đề đặt ra sẽ là làm thế nào để các lý thuyết của chúng ta về hành vi con người và xã hội có thể tương thích được với công nghệ tái tạo xét về mặt di truyền và vi tính hóa con người chẳng những có thể bắt buộc chúng ta không những phải thay đổi mà còn buộc chúng ta phải điều chỉnh hành vi của mình trước những giống loài mới này. Công nghệ sinh học có thể đưa đến một sự biến đổi mạnh mẽ về gen và qua đó là bản chất thực của con người sẽ tạo ra những vấn đề mới cho trật tự xã hội. Công nghệ chế tạo con người và đi kèm với nó là công nghệ nhân bản có thể làm thay đổi tận căn những đặc trưng thể lý và tinh thần của con người, và điều này không chỉ là một thách thức cho tri thức của xã hội học mà cho mọi khoa học xã hội và nhân văn nữa.

Đối với công nghệ di truyền, các nhà tâm lý học đã phát triển những kỹ thuật nhằm định vị lại hành vi con người. Quá trình tự do hóa thương mại cũng tạo ra những bất ổn trong trật tự xã hội hiện hành. Tình trạng cạnh tranh không công bằng và phi đạo đức của các công ty xuyên quốc gia và đa quốc gia nhằm chiếm lĩnh thị trường toàn cầu đã góp phần thúc đẩy các chính phủ phải thay đổi lối sống của công dân cho tương thích với tính hàng hóa thông qua việc điều chỉnh hành vi tiêu dùng. Như vậy xã hội học sẽ phải mang lấy một ý nghĩa mới khi mà con người xã hội, đơn vị phân tích của mình, đang bị tác động bởi con người kỹ nghệ vốn không còn hành xử theo những chuẩn mực và giá trị phổ quát nữa mà là theo các chuẩn mực và giá trị được tạo ra để đáp ứng nhu cầu của các công ty xuyên quốc gia và đa quốc gia.

Tôi xin đơn cử hai ví dụ về cách thức mà công nghệ sinh học làm thay đổi của các giá trị gia đình và xã hội như sau. Việc thích sinh con trai và sử dụng ngày càng nhiều kỹ thuật chọc dò màng ối qua bụng

(amniocentesis) đang làm lệch tỷ lệ giới tính theo hướng chống lại nữ giới đang diễn ra tại rất nhiều bang của Ấn Độ và đi kèm là việc thiếu phụ nữ trên thị trường hôn nhân có thể dẫn đến tình trạng săn phụ nữ làm vợ (wife-hunting) và đa phu (polyandry) trong xã hội. Bên cạnh đó, việc cấy ghép nội tạng cũng góp phần làm bùng nổ những hiện tượng phi đạo đức tại các đại đô thị.

Còn một đe dọa khác nữa đối với trật tự xã hội đó là công nghệ thông tin. Những sản phẩm của nền công nghệ này cùng với cuộc cách mạng tri thức đã trở thành một tác tố quan trọng trong thiên niên kỷ mới và nó đưa xã hội đi vào cuộc cách mạng chưa hề có tiền lệ trong lịch sử. Nền công nghệ này đã đặt ra nhiều kịch bản có ảnh hưởng lâu dài cho loài người. Cái đáng lưu tâm là thông tin mới và tri thức mới đang mang lại sự dư thừa khiến chúng ta khó có thể nào dự đoán hay lượng giá ảnh hưởng của chúng đến trật tự xã hội là như thế nào. Sự xuất hiện của công nghệ nano cũng là một yếu tố cần được tính đến trong những năm sắp đến bởi nó có thể biến những thành tựu mà loài người đã đạt được trong quá khứ trở thành những thứ thừa thãi. Công nghệ nano sẽ có tác động gấp bội phần lên mọi lĩnh vực của đời sống con người và nó có thể đưa đến một trật tự xã hội hoàn toàn mới với bản chất và tầm vóc không thể đoán trước được. Chưa bao giờ trong lịch sử loài người lại xảy ra những yếu tố quá sâu sắc như thế trong một thời gian rất ngắn.

Nhờ công nghệ thông tin mà giờ đây dữ liệu được biến thành thông tin và thông tin biến thành tri thức. Nhưng ở đây có hai hạn chế. Trước hết, trí tuệ con người sẽ không thể làm việc nhanh như máy vi tính và do đó, sẽ luôn luôn có một độ trễ giữa khả năng tiếp cận thông tin và ứng dụng thông tin. Thứ hai, thông tin với sự trợ giúp của máy vi tính lại không thể cung cấp cho con người cái khả năng biết lựa chọn những loại thông tin phù hợp nhất với mình. Nếu như tri thức được biến thành sự hiểu biết hoặc được áp dụng một cách khôn ngoan, việc áp dụng chúng vào trong các tình huống sẽ chẳng có ích lợi gì. Vì sự hiểu biết giữa từng người là không giống nhau, việc sử dụng tri thức sẽ thuận lợi hơn nơi những người có sự hiểu biết cao hơn. Một người nào đó chỉ có thể nói rằng ai kiểm soát tri thức thì

cũng sẽ kiểm soát sự hiểu biết, nhưng không thể nói rằng ai sở hữu tri thức thì cũng sẽ sử dụng được chúng một cách khôn ngoan. Hậu quả của một quyết định không khôn ngoan có thể dẫn đến thảm họa mà những quyết định và hành động gần đây trên thế giới là một minh chứng.

Tri thức là quyền lực. Các xã hội tri thức đang được cho là nguồn giúp phát triển và tăng năng lực cho con người mà theo đó, tiếp cận được tri thức sẽ là một thành tố tạo nên quyền lực. UNESCO (2005, tr. 27) cho rằng cuộc cách mạng trong công nghệ đưa đến một giai đoạn mới của tiến trình toàn cầu hóa sẽ tạo động lực thúc đẩy cho cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ ba. Tuy nhiên, hi vọng của UNESCO về sự phát triển của các dân tộc và các quốc gia trên toàn thế giới [nhờ cuộc cách mạng công nghệ - ND] lại không tương hợp với thực tế đang diễn ra hiện nay. Niềm hy vọng cháy bỏng theo sau Tuyên ngôn của Liên Hiệp quốc về Nhân quyền vào năm 1948 là một điển hình [tức đến nay tình trạng vi phạm nhân quyền vẫn còn tồn tại-ND]. Cuộc cách mạng tri thức cho rằng các xã hội tri thức sẽ có khả năng thúc đẩy nhân quyền một cách dễ dàng bởi vì với khả năng tiếp cận thông tin của đại chúng, mọi việc sẽ trở nên minh bạch và những quyền căn bản của con người sẽ được tất cả mọi người nhận biết và củng cố. Dù vậy, các nghiên cứu cho thấy thực tế là hoàn toàn khác và tình trạng vi phạm nhân quyền vẫn diễn ra tại các xã hội tri thức ở cấp độ cao. Thậm chí tình trạng vi phạm nhân quyền chỉ gia tăng kể từ sau cuộc cách mạng tri thức và tình trạng vi phạm nhân quyền trên diện rộng đã trở thành một xi-căng-đan trong các Hội nghị bàn tròn tại Liên Hiệp quốc.

Việc tiếp cận dễ dàng máy vi tính và internet cũng là một thành tố của xã hội tri thức vì sự tích lũy và phục hồi tri thức phụ thuộc vào khả năng tiếp cận hai công cụ này. Ở đây, UNESCO với tư cách là người đề xướng cho việc phổ biến tri thức cũng phải thừa nhận rằng đây vẫn còn là một đặc quyền của các nước phương Bắc. Theo số liệu của UNESCO, hiện mới chỉ có 11% dân số thế giới tiếp cận được internet. Chín mươi phần trăm người sử dụng internet đến từ các nước công nghiệp phát triển. Quả thực, trong khi chúng ta đang nói về xã hội thông tin toàn cầu và Web thì thực tế lại có đến 82% dân

số thế giới chỉ sở hữu 10% tổng số người nối mạng internet hiện nay mà thôi. Cái khoảng cách số này là vấn nạn đầu tiên và trước nhất của việc tiếp cận các hạ tầng cơ sở. Có khoảng hai tỷ người vẫn chưa kết nối được mạng dây điện chính thức, vốn là điều kiện tiên quyết cho việc tiếp cận các công nghệ mới. Hơn nữa, ở đây vấn đề còn là khả năng cung cấp. Máy vi tính vẫn còn đắt. Các dịch vụ liên quan đến internet được đầu tư nhiều tại các vùng đô thị trong khi lại rất hạn chế tại các vùng nông thôn. Mặt khác, việc làm quen với máy vi tính cũng đòi hỏi phải có sự hiểu biết nhất định về máy tính và đây cũng là điều bất khả đối với người nghèo. (UNESCO, tr. 29).

Tôi dừng lại khá lâu về máy vi tính và internet bởi vì chúng là những cột trụ của xã hội tri thức và cũng là tác tố chính dẫn đến những biến đổi trong hành vi của con người và các mối quan hệ xã hội. Con thúy triệu của những phát minh, sáng chế trong xã hội tri thức đang tác động đến con người ít nhất qua hai chiều cạnh đó là chiều cạnh sinh học và chiều cạnh xã hội. Những khía cạnh sinh học mới sẽ tạo ra nhiều biến đổi và chúng đang góp phần vào việc tạo dựng nên một trật tự xã hội mới. Trên thực tế, một trong những hệ quả của xã hội tri thức đó là sự xuất hiện của những khuôn mẫu hành vi văn hóa mới, chẳng hạn như việc thể hiện hình ảnh cá nhân thông qua các trang web (UNESCO, tr. 53). Theo Manuel Castelles, xã hội thế kỷ 21 là « xã hội mạng » (network society). Đặc điểm căn bản của cấu trúc xã hội trong thời đại thông tin đó là sự tin nhiệm vào các mạng lưới là một đặc điểm then chốt của hình thái học xã hội (social morphology). Khi các mạng lưới là hình thức của các tổ chức xã hội thì nay lại được củng cố thêm bởi thông tin mới/công nghệ truyền thông, do đó chúng có thể cùng một lúc đương đầu được với quá trình phi tập trung hóa linh hoạt và quá trình ra quyết định có chủ điểm.

Cuộc cách mạng công nghệ tri thức cũng đang góp phần vào quá trình phân tầng xã hội trong nội bộ các quốc gia cũng như giữa các quốc gia với nhau. Ở cấp độ toàn cầu, cuộc cách mạng này sẽ củng cố thêm sức mạnh cho những quốc gia đang kiểm soát tri thức và do đó sẽ làm giãn rộng thêm cách biệt giữa các nước giàu với các nước nghèo. Trong nội bộ quốc gia, hố ngăn cách giữa người giàu, vốn có

khả năng tiếp cận internet cao hơn, với những người nghèo không thể tiếp cận ngay cả đường dây điện thoại sẽ ngày càng lớn hơn.

Tri thức không hề vô tội. Quyền lực mà nó mang lại cho những người sở hữu nó có thể được sử dụng vào điều tốt hoặc xấu. Các chính phủ tân thực dân có thể sử dụng nó để gia tăng sự bá chủ của mình đối với những quốc gia kém hơn, các nhóm khủng bố có thể sử dụng nó để thiết lập và biện hộ cho các hoạt động chống đối của mình. Càng sở hữu nhiều tri thức thì càng có khuynh hướng hành xử theo những khuynh hướng đó.

Tôi xin đưa ra một ví dụ rất quen thuộc. Có rất nhiều người tin rằng giáo dục sẽ là thiết chế xã hội đầu tiên bị công nghệ thông tin tấn công ngay khi các đại công ty nhận ra được lợi ích to lớn của việc biến giáo dục thành công cụ gia tăng lợi ích kinh tế của mình. Có khoảng từ 75-80% công nghệ thông tin hiện nay trên thế giới sử dụng giáo dục như là nơi tiêu thụ chính các sản phẩm của mình. Sự gia tăng của việc ứng dụng máy vi tính và công nghệ truyền thông đa phương tiện trong giáo dục sẽ tương ứng với sự thay đổi trong phương thức tiếp nhận, lưu trữ và truyền tải tri thức truyền thống. Máy vi tính, đĩa CD-ROM và băng ghi hình sẽ dần dần thay thế cho sách giáo khoa truyền thống. Điều này sẽ là một sự thay đổi tận căn của cấu trúc và động lực của hệ thống học đường cũng như quan niệm về thiết chế giáo dục. Với quá trình thương mại hóa và thị trường hóa các thiết chế giáo dục, trường học sẽ được cấu trúc lại theo kiểu các công ty kinh doanh và kéo theo đó là sự ra đời của các công ty đa quốc gia chuyên sản xuất các phần mềm phục vụ cho kiểu giáo dục mới này. Các công nghệ mới sẽ không thêm vào chương trình học mà là thay đổi nếu không nói là thay thế hoàn toàn chương trình học. Theo Anthony Giddens, toàn bộ các phương tiện giáo dục truyền thống sẽ thay đổi cùng với sự gia tăng trong việc sử dụng máy vi tính và các công nghệ truyền thông đa phương tiện trong giáo dục. Ông cảnh báo rằng, một sự xâm lăng như thế sẽ gây ra những hậu quả tai hại cho giáo dục mà cụ thể là công nghệ mới sẽ củng cố thêm sự bất bình đẳng hiện có trong giáo dục qua việc tạo ra một hiện tượng mới đó là “nghèo thông tin” (information poverty).

Sự khủng hoảng trong hệ thống giáo dục đại học do sự xuất hiện của công nghệ thông tin và cuộc cách mạng tri thức đã được David Beckett làm sáng tỏ (e-journal of sociology, 1988). Trước thực tế là mọi nền tảng và lý do tồn tại truyền thống đã bị biến mất hoặc bị thu hẹp, các đại học cần phải suy nghĩ và xác định lại vai trò của mình cho phù hợp với một thế giới không còn sử dụng các dịch vụ truyền thống của mình nữa, thiết kế những luật lệ mới và nhân quan mới trong bối cảnh mà sự ngờ vực đối với những giá trị chúng theo đuổi đang gia tăng. Trong khi bàn đến nền giáo dục thời hậu hiện đại, Giáo sư danh dự khoa xã hội học thuộc trường Đại học Leeds (Anh quốc) là Zygmunt Bauman đã cho rằng với sự gia tăng của các khóa học và nội dung học bằng truyền thông đa phương tiện, việc học sẽ được toàn cầu hóa và được hòa vào dòng chảy của công nghệ truyền thông đa phương tiện. Trong giai đoạn mới này, tri thức sẽ được tách khỏi thầy dạy và được chuyển vào các phương tiện trực tuyến. Tri thức trong các "xã hội vi tính hóa" sẽ được "ngoại giới hóa" (externalized) khỏi người sở hữu chúng, giáo dục sẽ được thị trường hóa và tri thức sẽ được hàng hóa hóa (commoditized) - hệ quả của quá trình tư nhân hóa theo sau quá trình toàn cầu hóa. Trong tình huống này, giáo viên trở nên thừa thãi, các loại sách vở truyền thống cũng là thừa, các phương pháp sư phạm thông thường cũng thừa, tức mọi thứ cũ đều trở nên thừa. Tôi nói đến những vấn nạn đang sắp xảy đến cho giáo dục bởi vì bạn có thể nhận thấy một cách dễ dàng những sự thay đổi về bản thể học, nhận thức luận và siêu hình học trong nền tảng giáo dục vào những năm sắp đến.

Theo Feabin, có một vấn nạn chủ yếu của công nghệ mới đang đe dọa cuộc sống loài người đó là sự tràn ngập của thị trường lao động bằng robot. Ông trích dẫn nhận định của người đồng sáng lập và nhà khoa học chính của Sun Microsystems là Bill Joy mà theo đó, việc sử dụng robot với trí thông minh nhân tạo có thể là một sự đe dọa nghiêm trọng đối với đời sống con người trong những năm sắp đến. Các nhà khoa học máy tính dự đoán rằng, đến năm 2030, máy tính sẽ mang tính người hơn, có ý thức và thông minh hơn. Khả năng của máy

tính sẽ vượt hơn hàng triệu lần so với hiện nay và robot được vi tính hóa sẽ thông minh hơn con người. Trước sức mạnh vô song của những công nghệ mới như thế, chúng ta cần thử hỏi xem làm thế nào để cùng tồn tại với chúng?

Theo Stuart Hall (1988, tr. 528) trong quá trình biến chuyển cho công nghệ mới mang lại, thế giới sống của chúng ta đang được tái tạo lại. Trong thế giới mới đó, căn tính của chúng ta, nhận thức về bản ngã và chủ thể cũng bị biến đổi theo.

Từ những lập luận trên, tôi muốn kết thúc bằng yếu tố thứ tư sau đây.

Công nghệ thông tin - một nhánh mới nhất của công nghệ - đã tạo ra cuộc cách mạng tri thức và cuộc cách mạng này đến lượt nó cũng đã tạo ra các xã hội tri thức. Bên cạnh việc mang lại nhiều lợi ích to lớn cho đời sống con người, các xã hội tri thức cũng đặt ra cho con người rất nhiều vấn đề nghiêm trọng bởi vì chúng mang lại cho mọi người khả năng tự cập nhật tri thức trên mọi lĩnh vực của đời sống và điều này có tác động sâu rộng lên hành vi cũng như các mối quan hệ xã hội. Tổng thể của những tác động ấy sẽ tạo ra một loại người mới, loại người có thể không còn bị định hướng bởi các giá trị truyền thống và các khuôn mẫu xã hội chuẩn nữa. Nếu những điều đó xảy ra, các giá trị được lưu giữ trong trật tự xã hội và các chuẩn mực cũng như luật lệ được xây dựng trên đó sẽ bị biến đổi và các lý thuyết xây dựng trên những cơ sở ấy sẽ trở nên dư thừa.

Những sự thay đổi như vừa nêu trên có thể không xảy ra tức thì, nhưng rất nhiều những yếu tố của sự thay đổi có thể sẽ xảy đến trong những thập niên sắp tới hoặc vào cuối thế kỷ 21 này, đặc biệt với sự xuất hiện của công nghệ nano thì mọi chuyện có thể sẽ diễn ra nhanh hơn.

Có một điều gần như chắc chắn là những giá trị và chuẩn mực cũ đang biến đổi nhưng thật khó mà dự báo những tác động của thông tin-tri thức (info-knowledge) ở cấp độ vi mô, tức các mối quan hệ giữa người với người cũng như ở cấp độ vi mô, tức các mạng lưới quan hệ xã hội./.

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Bech, Ulrich. 2000. "The Cosmopolitan Perspective: Sociology of the Second Age of Modernity", *British Journal of Sociology*, Vol. 51, No. 1, pp. 79-105.
2. Bulmer, Martin. 1990. "Successful Application of Sociology", in Christopher GA Bryant & Henk A, Becker (eds) *What Has Sociology Achieved?*, London: Macmillan, pp. 117-142.
3. Castelles, Manuel. 2000. "Social Structure in the Information Age: The Social Network", *British Journal of Sociology*, Vol. 51, No. 1 January-March 2000 pp. 5-24.
4. Feagin, Joe R. 2001 "Social Justice and Sociology: Agendas for the Twenty-First Century", *American Sociological Review*, 2001, Vol. 66 February, pp1-20.
5. Giddens, Anthony, 2000. *Sociology* (3rd Ed.) Cambridge: Polity Press.
6. Gosta, Esping-Anderson. 2000."Two Societies, One Sociology, and No Theory", *British Journal of Sociology* 51 (1) 2000, pp. 59-77.
7. Hakim, Catherine. 1998. "Developing a Sociology for the 21st Century: Preference Theory", *British Journal of Sociology* Vol. 49 No. 1, March 1998, pp. 137-143.
8. Islam, Nazrul. 2005. *End of Sociological Theory and Other Essays on Theory and Methodology*, Dhaka: Ananya Islam.
9. Nazrul. 2004. "Sociology in the 21st Century: Facing a Dead End", *Bangladesh e-Journal of Sociology* Vol. 1. No. 2, pp.68 – 92.
10. Kumar, Krishnan. 1995. *From Post Industrial to Post Modern Society*, London: Blackwell.
11. Latour, Bruno .2000. "When Things Strike Back: A Possible Contribution of Science Studies to the Social Sciences", *British Journal of Sociology* 51.1.2000 - pp.107-123.
12. Mlambo, Alois S. 2006. "Western Social Sciences and Africa: The Domination and Marginalization of a Continent", *African Sociological Review*, 10 (1) pp.143-160.
13. Mukherji, Partha Nath. 2005. "Sociology in South Asia: Indigenization as Universalizing Social Science", *Sociological Bulletin* 54 (3) 2005 pp.311-324.
14. Siedman, Steven. 1994. *Contested Knowledge: Social Theory in the Post Modern Era*. Cambridge, Mass: Blackwell Publishers.
15. Wallerstein, Immanuel. 2000. "From Sociology to Historical Social Science: Prospects and Obstacles", *British Journal of Sociology* 51 (1) pp.25-35.
16. UNESCO. 2005. *Towards Knowledge Societies*, UNESCO World. Report, Paris: UNESCO Publishing.